

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp thuốc
cho nhà thuốc bệnh viện lần 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-SYT ngày 24/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ thông báo số 357/TB-SYT ngày 26/04/2025 về việc Kết luận của Phó Giám đốc Sở Y tế tại hội nghị rà soát thực trạng, đánh giá năng lực hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Pháp luật đối với các cơ sở khám chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong đó có nêu cụ thể về việc mua thuốc, thiết bị y tế, vắc xin để bán lẻ tại nhà thuốc bệnh viện công lập.;

Căn cứ Kế hoạch số 1252/KH-BVĐKĐN ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc bệnh viện Đa khoa Đồng Nai về việc lựa chọn nhà cung cấp thuốc cho nhà thuốc bệnh viện lần 3 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2498/QĐ-BVĐKĐN ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc bệnh viện Đa khoa Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp thuốc cho nhà thuốc bệnh viện lần 3 năm 2025;

Căn cứ thông báo chào giá số 111/TB-BVĐKĐN ngày 18 tháng 9 năm 2025 về việc mua sắm thuốc cho nhà thuốc bệnh viện lần 3 năm 2025;

Căn cứ Báo cáo 121/BC-KD ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc đánh giá hồ sơ chào giá mua sắm thuốc cho nhà thuốc bệnh viện lần 3 năm 2025 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp thuốc tại nhà thuốc bệnh viện lần 3 năm 2025;

Căn cứ tờ trình số 122 /TTr-KD ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Trưởng khoa Dược về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp thuốc cho nhà thuốc bệnh viện lần 3 năm 2025;

Căn cứ báo giá các mặt hàng của các Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp thuốc cho nhà thuốc bệnh viện lần 3 năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tên nhà cung cấp được duyệt: *Đính kèm phụ lục 1.*
2. Danh mục thuốc và đơn giá: *Đính kèm phụ lục 2.*
3. Giá trong phụ lục 2 đã bao gồm thuế VAT và phí vận chuyển, giao hàng.
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định, thanh toán theo số lượng thực tế sử dụng thực hiện trên cơ sở đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá được chấp nhận điều chỉnh theo quy định hiện hành.
5. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
6. Nguồn vốn: nguồn thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của đơn vị.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng khoa Dược, Trưởng phòng Tài chính kế toán và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như: Điều 3;
- Lưu: VT, Khoa Dược.
(ThaoVm)



Danh sách các nhà cung cấp đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp thuốc cho nhà thuốc Bệnh viện lần 3 năm 2025



(Đính kèm Quyết định số 2786 / QĐ-BVĐKĐN của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai ngày 20 tháng 10 năm 2025)

STT	Tên công ty
1	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
2	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC
3	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SAO MỘC
4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI
5	CÔNG TY TNHH AFP PHARMA
6	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DONAPHARM
7	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM THÁI NHÃN
8	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ DƯỢC PHẨM NGUYỄN KHÔI
9	CÔNG TY TNHH DƯỢC TUỆ NAM
10	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
11	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
12	CÔNG TY CỔ PHẦN NHI KHOA VIỆT NAM
13	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH PHÁT
14	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH HOÀNG
15	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM
16	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM
17	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA
18	CTY TNHH LEVO PHARMA
19	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
20	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
21	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẬT ANH
22	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ SƠN HÀ
23	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
24	CÔNG TY TNHH VIMED
25	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ Y TẾ HALIPHAR
26	CÔNG TY TNHH MTV THIẾT BỊ Y TẾ PHÚ KHANG
27	CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAMEX
28	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VƯƠNG
29	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY ÚC
30	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY SƠN
31	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT
32	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HAPIFA
33	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IP
34	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM HOÀNG GIA
35	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA
36	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VẠN KHANG
37	CÔNG TY TNHH VIBAN
38	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM ĐỨC GIANG
39	CÔNG TY TNHH TMDV XUẤT NHẬP KHẨU SỨC SỐNG VIỆT
40	CÔNG TY TNHH DƯỢC HỒNG LỘC PHÁT
41	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ
42	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NAM THÁI DƯƠNG
43	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MỸ PHẨM PHÚ CÁT
44	CÔNG TY CỔ PHẦN VILOGI
45	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ

46	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD
47	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN MINH
48	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA
49	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QDU
50	CTY TNHH DƯỢC PHẨM NAM ANH SÀI GÒN
51	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DƯỢC PHẨM KHÁNH KHANG
52	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUANG CƯỜNG
53	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CÁT LÂM
54	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BROTHER
55	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY
56	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN

Phụ lục II

Danh mục các thuốc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp thuốc cho nhà thuốc Bệnh viện lần 3 năm 2025

(Đính kèm Quyết định số 2786/QĐ-BVĐKĐN ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai)



STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
Thuốc Biệt dược gốc													
1	BDG	Bronuck ophthalmic solution 0.1%	Bromfenac natri hydrat	1mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	VN-20626-17 (Có QĐ gia hạn số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022)	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	Lọ	128.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
2	BDG	Pariet Tablets 20mg	Rabeprazole sodium	20mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 1 vỉ x 14 viên	VN-14560-12	Cơ sở sản xuất: Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory; Cơ sở đóng gói: Interthai Pharmaceutical manufacturing Ltd.	Nước sản xuất: Nhật Bản; Nước đóng gói: Thái Lan	Viên	19.700	Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức
3	BDG	Sanlein 0,1	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	VN-17157-13 (Có QĐ gia hạn số 573/QĐ-QLD ngày 23/09/2022)	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	62.158	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
Thuốc Generic													
1	4	Smodir-DT	Cefdinir	300mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Hộp 1 vỉ x 10 viên	893110337624 (VD-27989-17)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Việt Nam	Viên	14.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SAO MỘC
2	4	Sun-Levorizin	Levocetirizin dihydrochlorid	0,5mg/1ml; ống 10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 10ml	893100116300	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	Ống	8.250	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SAO MỘC

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
3	1	Tearbalance Ophthalmic solution 0.1%	Natri hyaluronat	1mg/ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	VN-18776-15 (Có QĐ gia hạn số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022)	Senju Pharmaceutical Co., Ltd. Karatsu Plant	Nhật	Lọ	55.200	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
4	5	Atcobeta-N	Betamethasone valerate + Neomycin sulphate	0,1% + 0,5%	Dùng ngoài	Thuốc mỡ	Hộp 1 tuýp 15g	VN-12166-11 (Có QĐ gia hạn số 62/QĐ-QLD ngày 08/02/2023)	Atco Laboratories Ltd.	Pakistan	Tuýp	30.873	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
5	1	FLOEZY	Tamsulosin hydrochloride	0,4 mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	840110031023 theo quyết định số 146/QĐ-QLD ngày 2/3/2023 V/v ban hành danh mục 170 thuốc nước ngoài được gia hạn giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 112	Synthon Hispania, SL	Spain	Viên	12.000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị Y tế Hà Nội
6	5	Dutasteride Teva 0.5mg	Dutasteride	0,5mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	599110007623	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company	Hungary	Viên	10.680	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
7	4	Befucid	Acid fusidic 300mg; Betamethason (dưới dạng Betamethason valerat)	(2% + 0,1%); 20g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp x 20 gam	893110400424 (VD-29275-18)	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	Tuýp	48.498	CÔNG TY TNHH AFP PHARMA

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
8	1	Clisma-lax	100ml dung dịch bơm hậu môn chứa Natri monobasic phosphat khan(NaH_2PO_4) 13,91g; Natri dibasic phosphat khan (Na_2HPO_4) 3,18g	(13,91g+3,18g)/100 ml	Thụt hậu môn -Trực tràng	Dung dịch bơm hậu môn	Hộp 20 lọ x 133ml	VN-17859-14	Sofar S.p.A	Italy	Lọ	63.300	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DONAPHARM
9	1	Pelethrocin	Diosmin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	520110016123	Help S.A	Greece	Viên	6.100	CÔNG TY TNHH DƯỢC MỸ PHẨM THÁI NHÂN
10	4	Ocepred	Methyl prednisolon	8mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 5 x 10 vỉ	893110635124	Công ty cổ phần H	Việt Nam	Viên	2910	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ DƯỢC PHẨM NGUYỄN KHÔI
11	4	Agihistine 24	Betahistin	24mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	893110263900	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Viên	2.490	CÔNG TY TNHH DƯỢC TUỆ NAM
12	5	Caldiol soft capsule	Calcifediol	20mcg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VN-19630-16	RP Corp., Inc	Korea	Viên	9.600	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
13	2	Gramadol capsules	Acetaminophen; Tramadol hydrochlorid	325mg; 37,5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890111136024 (SDK cũ: VN-16775-13)	Gracure Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Viên	6.900	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
14	1	Pregabakern 100mg	Pregabalin	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 14 viên	VN-22828-21	Kernpharma S.L.	Spain	Viên	17.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
15	4	Atinalox	Magnesium hydroxid; Aluminium hydroxide; Simethicon	800,4mg; 612mg; 80mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 15g	VD-34654-20	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Gói	6.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
16	1	Ezoleta Tablet	Ezetimibe	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VN-22950-21	KRKA, D.D., Novo, Mesto	Slovenia	Viên	10.980	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM KOVI
17	4	Amburo 7.5	Ambroxol hydroclorid ; Clenbuterol hydroclorid	(7,5mg/5ml ; 0,005mg/5ml) x 10ml	Uống	Siro uống	Hộp 20 ống x 10ml (ống nhựa)	893110292324	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Ống	12.800	Công ty Cổ Phần Nhi Khoa Việt Nam
18	4	Glumarix	Oxetacain; Nhôm hydroxid (dưới dạng Nhôm hydroxyd gel khô); Magnesi hydroxid	20mg; 612mg; 195mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 10g	893110169625 (VD-21431-14)	Công ty cổ phần hoá dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Gói	5.680	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THÀNH PHÁT
19	2	Aluantine Tablet	Almagate	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-21118-18	Aprogen Pharmaceuticals. Inc	Korea	Viên	7.980	Công ty TNHH Dược Phẩm Minh Hoàng
20	2	Nexzac 40	Esomeprazole	40mg	Uống	Viên nén kháng acid dạ dày	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890110019724 (VN-18474-14)	Torrent Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Viên	15.500	Công ty TNHH Dược Phẩm Minh Hoàng
21	1	Phamzopic 7.5mg	Zopiclon	7,5mg	Uống	Viên nén	Chai 100 viên	754110791924 (VN-18734-15)	Pharmascience Inc	Canada	Viên	2.400	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Thiên Kim
22	2	Ufur Capsule	Tegafur-uracil (UFT hoặc UFUR)	100mg + 224mg	Uống	Viên nang	Hộp 07 vỉ x 10 viên	471110003600 (Số cũ: VN 17677-14)	TTY Biopharm Co., Ltd Chungli Factory	Taiwan	Viên	39.500	CÔNG TY TNHH NACOPHARM MIỀN NAM

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
23	2	Amitriptylin 10mg	Amitriptylin hydroclorid	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 lọ x 500 viên	VD-18903-13. Giã hạn đến 23/05/2027. Số QĐ 277/QĐ-QLD	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	700	Công ty Cổ phần Dược Danapha
24	1	Ezoleta Tablet	Ezetimibe	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 15 viên; Hộp 3 vi x 10 viên	VN-22950-21	KRKA, D.D., Novo Mesto		Viên	11.000	CTY TNHH LEVO PHARMA
25	1	RANEXICOR 375MG TABLETS 30'S	Ranolazine 375mg	375mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Hộp 2 vi x 15 viên	400110438523	Menarini - von Heyden GmbH	Đức	Viên	6.300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
26	1	RANEXICOR 500MG TABLETS 30'S	Ranolazine 500mg	500mg	Uống	Viên nén giải phóng kéo dài	Hộp 2 vi x 15 viên	400110438723	Menarini - von Heyden GmbH	Đức	Viên	7.700	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
27	4	PIRACETAM KABI 12G/60ML	Piracetam	12g/60ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 chai 60ml	VD-21955-14	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	31.600	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
28	1	Bamifen	Baclofen	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	529110784424 (VN-22356-19)	Remedica Ltd	Cyprus	Viên	2.600	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NHẤT ANH
29	4	Topbrain	Ginkgo biloba+ Magnesi lactac + Vitamin B6	40mg + 470mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	VD-15309-11 (CV GH 3 năm 277/QĐ-QLD-23/05/2022)	Công ty CP Dược Phẩm Reliv	Việt Nam	Viên	5.998	Công ty Cổ Phần Dược và Trang Thiết Bị Y Tế Sơn Hà
30	4	Neosamin forte	Glucosamin hydroclorid + Natri chondroitin sulfat	500mg + 20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	893100275400 (VD-19781-13)	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	5.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
31	4	Vin-Enema	Monobasic natri phosphat (dưới dạng natri dihydrophosphat dihydrat); Dibasic natri phosphat (dưới dạng Dinatri phosphat dodecahydrat)	(21,4g ; 9,4g)/118ml x 133ml	Thụt trực tràng	Dung dịch thụt trực tràng	Hộp 1 chai x 133ml	893110232624	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Chai	62.000	Công ty TNHH Vimed
32	5	Gynoflor	Lactobacillus acidophilus + Estriol	10 ⁸ - 10 ¹⁰ cfu; 0,03mg	Đặt âm đạo	Viên nén đặt âm đạo	Hộp 1 vi x 6 viên	QLSP-1114-18 (Có QĐ gia hạn số 803/QĐ-QLD ngày 07/12/2024)	Haupt Pharma Amareg GmbH	Đức	Viên	25.585	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
33	2	Mycoril 500	Clotrimazole	500mg	Uống	Viên đặt âm đạo	Hộp 1 vi x 1 viên	529100121024	Remedica Ltd	Cyrups	Viên	64.500	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ Y TẾ HALIPHAR
34	4	Eraxicox 60	Etoricoxib	60mg	Uống	Viên nang	Hộp 3 vi x 10 viên	893110346324 (Số ĐK cũ: VD-30187-18)	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Viên	3.500	CÔNG TY TNHH MTV THIẾT BỊ Y TẾ PHÚ KHANG
35	2	Skinoral Cream	Ketokonazole	2%; 15g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 15g	8,901E+11	Grancure Pharmaceuticals LTD	Ấn Độ	Tuýp	47.985	Cổ phần dược phẩm Namex
36	5	Ceftenmax 200 cap	Ceftibuten (dưới dạng Ceftibuten dihydrat).	200mg	Uống	Viên nang cứng	hộp 1 vi, 2 vi, 3 vi x 10 viên	893110558824 (VD-29562-18 cũ) QĐ gia hạn số: 443/QĐ-QLD, có hiệu lực đến ngày 2/7/2029	công ty CP US Pharma USA	Việt Nam	Viên	23.000	Công ty cổ phần Dược Vương
37	5	Paluzine 10ml	Mỗi 5ml chứa: Kẽm (dưới dạng Kẽm Gluconat) 10mg	20mg/10ml	Uống	Dung dịch Uống	Hộp/ 20ống x 10ml	893100361925 (Hiệu lực) (SĐK cũ: VD-31498-19)	Công ty Cổ Phần Dược Apimed	Việt Nam	Ổng	9.490	Công Ty TNHH Dược Phẩm Tây Úc

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
38	4	Fleyesal	Carisoprodol	250mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên	893110372924	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	8.300	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY SƠN
39	4	Lefeilin	Nicergolin	10mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-34193-20	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	5.900	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY SƠN
40	4	Sun-Levorizin	Levocetirizin	5mg/10ml; 10ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 30 ống x 10ml	893100116300	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	Ống	8.250	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SAO MỘC
41	2	Polkab	Natri hyaluronat	1,5mg/ml; 0,5%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	0,5 ml / ống đơn liều, 60 ống đơn liều/ hộp	VN-22980-21	OPTUS Pharmaceutical Co.,Ltd	Hàn Quốc	ống	7.308	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NĂM PHÁT
42	4	Tradalen	Adapalen	0,1%; 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 15g	893110913024 (VD-33081-19)	Công ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	46.900	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY SƠN
43	4	Ometadol	Alfacalcidol	0,25 mcg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110411424 (VD-32441-19)	Công ty TNHH Phil Inter Pharma	Việt Nam	Viên	4.800	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY SƠN
44	4	E-xazol	Clarithromycin + Tinidazol + Esomeprazol	500mg +500mg + 20mg	Uống	Viên nén bao phim + Viên nang cứng	Hộp 7 kit x 6 viên	893110854724 (VD-29278-18)	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Kit	42.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH
45	4	Masnutri	Diosmin	600mg	Uống	Cốm pha hỗn dịch	Hộp 30 gói	893110291824	Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hà Nam	Việt Nam	Gói	7.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN PHÚ MINH

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
46	1	FEMADEX 10	Rosuvastatin + Ezetimibe	10mg + 10mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 5 viên	560110439323	Atlantic Pharma Producoes Farmaceuticas S.A. (Cách ghi khác: Atlantic Pharma – Produções Farmacêuticas, S.A. (Fab. Abrunheira)) - Portugal	Bồ Đào Nha	Viên	22.600	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HAPIFA
47	1	FEMADEX 20	Rosuvastatin + Ezetimibe	20mg + 10mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 5 viên	560110439423	Atlantic Pharma Producoes Farmaceuticas S.A. (Cách ghi khác: Atlantic Pharma – Produções Farmacêuticas, S.A. (Fab. Abrunheira)) - Portugal	Bồ Đào Nha	Viên	26.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HAPIFA
48	2	Otindo	L-ornithin-L-aspartat	3g	Uống	Cốm pha dung dịch uống	Hộp 10 gói, Hộp 30 gói	482110137123	JSC "Farmak"	Ukraine	Gói	37.800	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IP
49	5	TROXIPE	Clarithromycin Tinidazole Esomeprazole	500mg 500mg 40mg	Uống	Viên nén	Hộp đựng 7 hộp nhỏ x 1 vỉ chứa 2 viên mỗi loại	VN-14844-12	Acme Formulation (P) Ltd	Ấn Độ	Kit	68.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hoàng Gia

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GDCLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
50	1	Imjudo	Tremelimumab	300mg/15ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 15ml	400410047125	Cơ sở sản xuất: Vetter Pharma-Fertigung GmbH & Co. KG; Cơ sở đóng gói cấp 2: AstraZeneca AB; Cơ sở kiểm tra chất lượng và xuất xưởng lô: AstraZeneca AB	Cơ sở sản xuất: Đức; Cơ sở đóng gói cấp 2: Thụy Điển; Cơ sở kiểm tra chất lượng và xuất xưởng lô: Thụy Điển	Lọ	159.799.500	Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức
51	4	Akgynyl 400	Arginin hydroclorid	400mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 1 túi x 12 vi x 5 viên	VD-35478-21	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	4.334	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA
52	4	Vagsur	Clindamycin; Clotrimazol	100mg + 200mg	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Hộp 1 vi x 10 viên	893110705824 (VD-28997-18)	Công ty CP Dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	19.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VẠN KHANG
53	4	Wizosone	Mometason furoat	0,05mg/liều xịt, 90 liều xịt	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 90 liều xịt	893100641624 (VD-32496-19)	Công ty cổ phần Dược Khoa	Việt Nam	Lọ	119.000	CÔNG TY TNHH VIBAN
54	4	Abrocto	Ambroxol Hcl	15mg/5ml	Uống	Siro	Hộp 20 ống x 10ml	893100584024 (VD-16478-12)	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Ống 10ml	5.734	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA
55	5	Aricept Evess 10mg	Donepezil hydrochloride	10mg	Uống	Viên nén phân tán trong miệng	Hộp 2 vi x 14 viên	VN-22911-21	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Nhật	Viên	46.379	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
56	4	Atisyrup zinc	Kẽm (dưới dạng Kẽm sulfat heptahydrat)	2 mg/ml (0,2% kl/tt)	Uống	Siro	Hộp 30 gói x 10ml	893100067200 (VD-31070-18)	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Gói 10ml	9.434	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA
57	4	Capesto 20	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesium dihydrate (vi hạt bao tan trong ruột 8.5%))	20mg	Uống	viên nang cứng chứa hạt bao tan trong ruột	Hộp 3 vi x 10 viên	893110644424 (VD-22062-14)	Công ty CP US Pharma USA	Việt Nam	viên	2.690	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
58	4	Hopitas 2mg	Pitavastatin (dưới dạng pitavastatin calci)	2mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên. Hộp 6 vỉ x 10 viên. Hộp 2 vỉ x 15 viên. Hộp 1 lọ x 30 viên	893110745524	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Trường Thọ	Việt Nam	Viên	9.234	Công ty TNHH TM Dược phẩm Đức Giang
59	4	LETARID 50	Levosulpirid	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 10 viên	893110058700 (VD-34473-20)	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	Viên	3.034	Công ty TNHH TM Dược phẩm Đức Giang
60	4	Mucorel	Erdostein	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 02 vỉ x 10 viên	893110892824 (VD-33944-19)	Chi nhánh Công ty cổ phần Dược phẩm và Sinh học y tế	Việt Nam	Viên	5.774	Công ty TNHH TM Dược phẩm Đức Giang
61	4	Pallas 250mg (Ông 10ml)	Paracetamol	50 mg/ml (5% kl/tt)	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống, 30 ống, 50 ống x 10ml	VD-34660-20	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ông 10ml	5.774	Công ty TNHH TMDV Xuất Nhập Khẩu Sức Sống Việt
62	1	Methycobal 500µg	Mecobalamin	0,5mg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-22258-19 (Có QĐ gia hạn số 64/QĐ-QLD ngày 23/01/2025)	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Nhật	Viên	3.507	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
63	4	GLUCOSE 30%	Glucose khan	30%/250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai 250ml	VD-23167-15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	11.907	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
64	4	GLUCOSE 30%	Glucose khan	30%/500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai 500ml	VD-23167-15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	14.385	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
65	4	Abzodims	Bismuth tripotassium dicitrate (tương đương Bismuth trioxid 120mg)	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 06 vỉ x 10 viên	893110243624	Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	Viên	5.500	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
66	4	Abzodims	Bismuth tripotassium dicitrate	300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 01 vi x 10 viên; Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 06 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	893110243 624	Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	Viên	5.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC HỒNG LỘC PHÁT
67	2	Redlip 145	Fenofibrat	145mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên	890110034725 (VN-21070-18)	Inventia Healthcare Limited	India	Viên	5.950	CÔNG TY TNHH DƯỢC HỒNG LỘC PHÁT
68	2	Jasugrel 10mg Tab 2x14's	Prasugrel (dưới dạng prasugrel hydroclorid)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 14 viên	VN3-397-22	Daiichi Sankyo Europe GmbH	Đức	Viên	36.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
69	4	Sagodine	Clorhexidin gluconat	20%(kl/tt) 0,6ml/100ml; chai 200ml	Súc miệng	Dung dịch dùng ngoài	Hộp 1 chai 200ml	893100304700 (VD-32375-19)	Chi nhánh công ty TNHH Dược phẩm Sài Gòn tại tỉnh Bình Dương	Việt Nam	Chai	50.000	Công ty Cổ Phần Nhi Khoa Việt Nam
70	1	Myonal 50mg	Eperison hydroclorid	50mg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 3 vi x 10 viên	VN-19072-15 (Có QĐ gia hạn số 86/QĐ-QLD ngày 24/02/2022)	Bushu Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Nhật	Viên	3.416	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
71	4	Nasomom - 4 tinh dầu	Natri clorid	810mg/90ml, 90ml	Xịt mũi	Dung dịch xịt mũi	Hộp 1 chai x 90ml	893100917124	Công ty cổ phần dược Đồng Nai	Việt Nam	Chai	63.000	Công ty Cổ Phần Nhi Khoa Việt Nam
72	5	StrepsilsMaxpro	Flurbiprofen	8,75mg	Ngậm	Viên ngậm	Hộp 2 vi x 8 viên	885100033223	Reckitt Benckiser Healthcare Manufacturing (Thailand) Ltd.	Thái Lan	Viên	2.193	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
73	1	Cystine B6 Bailleul	L-Cystine + Pyridoxine hydrochloride	500mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 20 viên	VN-15897-12	Laboratoires Galeniques Vernin	Pháp	Viên	4.930	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
74	4	Totchogans	Cao khô milk thistle (Silybum marianum extractum siccum) tương ứng với silymarin + Vitamin B1 (Thiaminmononitrat) + Vitamin B2 (Riboflavin) + Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) + Vitamin B5 (Calcipantothenat) + Vitamin PP (Nicotinamid) + Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	70mg + 4mg + 4mg + 4mg + 8mg + 12mg + 1,2mcg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	VD-35755-22	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	6.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IP
75	3	Cerecaps	Cao khô hỗn hợp (tương ứng với: Hồng hoa 280mg; Đương quy 685mg; Xuyên khung 685mg; Sinh địa 375mg; Cam thảo 375mg; Xích thược 375mg; Sài hồ 280mg; Chỉ xác 280mg; Ngưu tất 375 mg) 595mg; Cao khô lá bạch quả (tương đương 3,6mg flavonoid toàn phần) 15mg	Cao khô hỗn hợp (tương ứng với: Hồng hoa 280mg; Đương quy 685mg; Xuyên khung 685mg; Sinh địa 375mg; Cam thảo 375mg; Xích thược 375mg; Sài hồ 280mg; Chỉ xác 280mg; Ngưu tất 375 mg) 595mg; Cao khô lá bạch quả (tương đương 3,6mg flavonoid toàn phần) 15mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-24348-16	Công ty cổ phần dược trung ương Mediplantex	Việt Nam	Viên	2.660	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DONAPHARM

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
76	3	Thuốc Ho Bách Bộ	Mỗi 120 ml cao lỏng chứa các dịch chiết từ dược liệu Bách bộ 60 g	Bách bộ 60g	Uống	Cao lỏng	Hộp 20 gói x 5ml	V180-H02-19	Cơ sở sản xuất thuốc YHCT Bảo Phương	Việt Nam	Ông/Gói	3.700	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DONAPHARM
77	4	Motuzen	Cao khô Cardus marianus (tương đương với Silymarin 70 mg, 30 mg silybin)	100mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-34218-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Viên	5.390	Công ty TNHH Vimed
78	3	Silymax Complex	Cao khô Carduus marianus (tương đương Silymarin toàn phần 70 mg) 140mg + Cao khô diệp hạ châu 200 mg+ Cao khô ngũ vị tử 25 mg + Cao khô nhân trần 50mg + Curcuminoids 25mg (Chiết xuất từ nghệ Curcuma longa L.)	140mg, 200mg, 25mg, 50mg, 25mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vi x 10 viên	893210128500 (SDK cũ: VD-32966-19)	Mediplantex	Việt Nam	Viên	6.000	Công ty TNHH Dược phẩm Nam Thái Dương
79	3	Urimaxi	Kim tiền thảo, Râu mèo, Chuối hột	105mg + 60mg + 20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	VD-30932-18 (Khoản 3 điều 21 theo TT 54/TT-BYT ngày 31/12/2024)	Công ty TNHH BRV Healthcare	Việt Nam	Viên	5.000	Công ty Cổ Phần Dược và Trang Thiết Bị Y Tế Sơn Hà
80	5	Febumac 40	Febuxostat	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	890110775024	Macleods Pharmaceuticals Limited	India	Viên	9.400	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MỸ PHẨM PHÙ CÁT
81	5	Amphot	Amphotericin B*	50mg	Tiêm truyền	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	VN-19777-16	Lyka Labs Limited	India	Lọ	180.000	Công ty Cổ phần Vilogi
82	4	Anbaescin	Aescin	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	VD-35786-22	Công ty Dược phẩm và thương mại Phương Đông (TNHH)	Việt Nam	Viên	7.480	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SAO MỘC

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
83	4	Anbapirex	Piracetam + Vincamin	400mg +20mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	893110137200	Công ty nghiên cứu và sản xuất dược phẩm Meracine	Việt Nam	Viên	7.980	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SAO MỘC
84	1	Solufos	Fosmycin	500 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 chai 24 viên	840110336925 (VN-22523-20)	Cơ sở đóng gói : Edefarm S.L - Cơ sở sản xuất : Toll Manufacturing Services S.L	Tây Ban Nha	Viên	19.000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM MINH TRÍ
85	1	Etcoxib 120 mg	Etoricoxib	120mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	560110135323	Atlantic Pharma – Produções Farmacêuticas, S.A.	Bồ Đào Nha	Viên	15.950	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1
86	2	Riroxator 10	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	890110192423	Torrent Pharmaceuticals Limited	Ấn Độ	Viên	6.000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế HD
87	4	Direntab 200-US	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil).	200mg	Uống	Viên nén bao phim	hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên	893110611524 (VD-32707-19 cũ) Quyết định gia hạn số:495/QĐ-QLD hiệu lực đến 24/7/2029	công ty CP US Pharma USA	Việt Nam	viên	17.800	Công ty cổ phần Dược Vương
88	4	Direntab 400-US	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil).	400mg	Uống	Viên nén bao phim	hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên	893110283300 (VD-32708-19 cũ) Quyết định gia hạn số 851/QĐ-QLD có hiệu lực đến 31/12/2025	công ty CP US Pharma USA	Việt Nam	viên	23.000	Công ty cổ phần Dược Vương
89	4	Nicsca 40	Aescin	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	hộp 3 vỉ x 10 viên hộp 5 vỉ x 10 viên	893110372624 -Quyết định số 365/QĐ-QLD có hiệu lực đến ngày 7/6/2029	CN Công ty Cổ phần Dược phẩm và sinh học y tế	Việt Nam	viên	5.300	Công ty cổ phần Dược Vương

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
90	4	Medi - Neuro Ultra	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	250mg + 250mg + 1000mcg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893100713624 (VD-32071-19)	Công ty cổ phần Dược Trung ương Mediplantex	Việt Nam	Viên	4.050	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN MINH
91	2	Padolcure	Paracetamol + Tramadol HCl	325mg + 37,5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VN-19968-16	Gracure Pharmaceuticals Ltd	Ấn Độ	Viên	6.900	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ - UK PHARMA
92	4	Bioketoca	D,L- α -Ketoisoleucine calcium; α -Ketoleucine calcium; α -Ketophenylalanine calcium; α -Ketovaline calcium; D,L- α -Hydroxymethionine calcium; L- Lysine acetate; L-Threonine; L-Tryptophan; L-Histidine; L-Tyrosine	67mg; 101mg; 68mg; 86mg; 59mg; 105mg; 53mg; 23mg; 38mg; 30 mg.	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	893110225 723	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	12.000	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ Y TẾ HALIPHAR
93	1	Tetpen	Piracetam	1,2 gam	Uống	Bột pha dung dịch uống	Hộp 20 gói, mỗi gói chứa 3g bột	380110182123	"Chemax Pharma" Ltd	Bulgaria	Gói	18.900	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IP
94	4	BEXINCLIN	Mỗi 1g chứa Clindamycin (dưới dạng Clindamycin phosphat)	10mg/g; 15g	Dùng ngoài	Gel bôi da	Hộp 1 tuýp 15g	893110284723 (VD-26810-17)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Tuýp	62.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hoàng Gia

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
95	4	ALPHAVIMIN	Lysin hydroclorid Vitamin B1 Vitamin B2 Vitamin B6 Vitamin D3 Vitamin E Vitamin PP Dexpanthol Calci	200 mg 2mg 2,3mg 4mg 266,7 IU 10 mg 13,3mg 6,7mg 86,7mg/10ml	Uống	Siro	Hộp 20 ống x 10ml	893100843024 (VD-33138-19)	Công ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Ống	12.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hoàng Gia
96	4	Fabamox 1000 DT	Amoxicilin	1000 mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 3 vỉ x 7 viên	893110601624 (VD-33183-19)	Công ty CP dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Viên	4.596	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VẠN KHANG
97	5	Impory G	Piracetam	200mg/ml; 6ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 10 ống, 20 ống; 30 ống x 6ml	893110175224 (VD-30645-18)	Công ty CP dược VITYT Hải Dương	Việt Nam	Ống	8.950	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VẠN KHANG
98	4	Cystin-B6 Boston	L-Cystin; Pyridoxin	500 mg 50 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 20 viên	VD-34570-20	Công ty Cổ Phần dược Phẩm Boston	Việt Nam	Viên	4.334	Công ty TNHH TM Dược phẩm Đức Giang
99	2	Damagel suspension	Almagate	1,5g/15ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 15ml	VN-22634-20	Genuine Sciences Inc	Hàn Quốc	Gói 15ml	6.974	Công ty TNHH TM Dược phẩm Đức Giang
100	4	Shogen 400	Vitamin E (d-Alpha Tocopheryl acetat)	400IU	Uống	Viên nang mềm	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893100049000 (VD-32229-19)	Công ty cổ phần SX - TM dược phẩm Đông Nam	Việt Nam	viên	3.993	Công ty TNHH TM Dược phẩm Đức Giang
101	4	Solso	Alphachymotrypsin (tương đương 4,2 mg Alphachymotrypsin)	4200 đơn vị USP	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	893110638024 (VD-32371-19)	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	974	Công ty TNHH TM Dược phẩm Đức Giang
102	4	MHAescin 40	Escin	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110920424 (VD-32611-19)	Công ty Cổ Phần Dược Minh Hải	Việt Nam	Viên	5.368	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SAO MỘC

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
103	3	Vinflozin Duo 12,5 mg/850 mg	Empagliflozin; Metformin hydrochlorid	12,50mg; 850mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, vi nhôm-PVC hoặc nhôm - nhôm	893110104000	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	16.390	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA
104	3	Vigentin 875mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 7 viên	VD-21898-14	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	7.900	CÔNG TY TNHH DƯỢC HỒNG LỘC PHÁT
105	2	Toricam Capsules 20mg	Piroxicam	20mg	Uống	Viên nang	Hộp 02 vỉ x 10 viên	VN-15808-12	U chu Pharmaceutical Co., Ltd	Taiwan	Viên	4.600	CÔNG TY TNHH DƯỢC HỒNG LỘC PHÁT
106	4	ZELFAMOX 875/125 DT	Amoxicilin Sulbactam	875 mg 125 mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 2 vỉ x 7 viên	893110073500 (VD-29863-18)	Công ty cổ phần Dược Phẩm Trung Ương I - Pharbaco	Việt Nam	Viên	16.000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Nam Hoàng Gia
107	2	Azintal forte Tab	Azintamide + Pancreatin + Cellulase 4000 + Simethicon	75mg + 100mg + 10mg + 50mg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-22460-19	Il Yang Pharm Co., Ltd	Korea	Viên	7.497	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QĐU
108	2	Heparos Soft Cap. (Tên cũ: Heparos)	L-cystine + Choline bitartrate	250mg + 250mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 12 vỉ x 5 viên	880100045225 (SDK cũ: VN-15060-12)	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd	Korea	Viên	5.600	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QĐU
109	5	Gabsol	Omeprazol; Natri bicarbonat	40mg; 1.100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110027924	Công ty cổ phần Dược Enlie	Việt Nam	Viên	9.980	CTY TNHH DƯỢC PHẨM NAM ANH SÀI GÒN
110	4	Ibsaga 20	Dicyclomin hydrochlorid	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893100004523	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	5.830	CTY TNHH DƯỢC PHẨM NAM ANH SÀI GÒN

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GBKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
111	4	Trimoxstal 500/500	Amoxicilin, Sulbactam	500mg, 500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ x 07 viên	893110845324 (SDK cũ: VD-32614-19)	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	Viên	16.900	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ DƯỢC PHẨM KHÁNH KHANG
112	4	Biobrans	Choline alfoscerate	600mg/7ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 03 vỉ x 05 ống 7ml	VD-35350-21	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 3	Việt Nam	Ống	16.750	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUANG CƯỜNG
113	4	Methocarbamol MCN 1500	Methocarbamol	1.500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	893110 110700	Công Ty Cổ Phần Medcen	Việt Nam	Viên	5.080	Công ty TNHH Dược Phẩm Cát Lâm
114	5	Fynkhepar 200mg Tablet	Silymarin (dưới dạng dịch chiết Silymarin 255,15 mg)	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	VN-21532-18 (92266/TT90 ngày 04/07/2023)	M/s FYNK Pharmaceuticals	Pakistan	Viên	5.900	Công ty TNHH Dược Phẩm Brother
115	4	Dailycare	Alpha - Terpineol 0,6g/60ml; Vitamin E 0,18g/60ml; Natri lauryl sulphat 4,8g/60ml	(0,6g; 0,18g; 4,80g)/ 60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Hộp 1 chai 200ml dung dịch dùng ngoài	893100568924 (VS-4910-15)	Công ty Cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Chai	104.900	Công ty TNHH Dược Phẩm Brother
116	4	Jubve	Sắt (III) protein succinylat (tương đương 20mg Fe3+)	400mg/7,5ml	Uống	Dung dịch uống	Hộp 20 ống x 7,5ml	893110764224	Công ty cổ phần dược phẩm và thương mại Phương Đông (TNHH)	Việt Nam	Ống	9.500	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI ĐẠI THỦY

STT	Nhóm TCKT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tên công ty
117	2	Rosepire	Drospirenone + Ethinyl Estradiol micronized	3mg + 0,02mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 28 viên (21 viên có hoạt tính + 7 viên giả dược)	VN-19694-16 (Có QĐ gia hạn số 401/QĐ-QLD ngày 14/08/2025)	Laboratorios León Farma S.A.	Tây Ban Nha	Viên	4.652	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
118	5	Neo-Penotran Forte L	Metronidazole + Miconazole nitrate + Lidocain (Lidocain base + Lidocain HCl)	750mg + 200mg + 100mg (43mg + 70,25mg)	Đặt âm đạo	Viên đặt âm đạo	Hộp 1 vỉ x 7 viên	868115084423	Exeltis Ilac San.ve tic.A.S.	Thổ Nhĩ Kỳ	Viên	28.500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED
119	1	VISANNE 2MG TAB 2X14'S	Dienogest	2mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên nén	400110020723	Bayer Weimar GmbH und Co. KG	Đức	Viên	42.092	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
120	4	Felnsat	Sắt (III) Hydroxide Polymaltose - Acid Folid BP	100mg và 500mcg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	VD-35894-22	Chi nhánh Resantis Việt Nam - Cty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Việt Nam	Viên	5.200	Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm PVN
121	4	Capesto 40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesium dihydrate (vi hạt bao tan trong ruột 8,5%))	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa hạt bao tan trong ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	893110869424 (VD-22063-14)	Công ty CP US Pharma USA	Việt Nam	viên	4.474	CÔNG TY TNHH TMDV NGUYỄN GIA
122	5	ESOJAY	Mometasone furoate	0,1% (w/w)	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp x 15g	890110007723	Aurochem Laboratories (India) Pvt. Ltd	Ấn Độ	Tuýp	51.400	Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức